TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 06 - 2025.
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG - KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng*: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST- DS, ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXX-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh D, xã Minh T2, huyện U Minh Th, Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 20/7/2021 ông Trần Thanh T1 (*Sau đây gọi tắt là ông T1)* có vay ông T *(Gọi tắt là ông T)* số tiền 25.000.000đ. Lãi suất 05%/tháng. Từ khi vay ông T1 có đóng tiền lãi suất cho ông T được 02 tháng, được số tiền 2.500.000 đồng.

Ngày 25/10/2021 ông T1, ông Trần Thanh Tới có hùn nhau mua củ gừng ông T, tổng số tiền 230.000.000 đồng. Sau đó ông T1, ông Tới có trả cho ông T được số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng, ông T1, ông Tới mỗi người có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 65.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán cho ông T.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/9/2024 của Tổ hòa giải ấp Minh D ông T1 thừa nhận còn nợ ông T số tiền 90.000.000 đồng. Ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng và ông cam kết mỗi tháng trả ông T 1.000.000 đồng (Trả 90 lần dứt nợ). Bắt đầu trả vào ngày 30/10/2024 nhưng đến nay ông T1 vẫn không thực hiện. Hiện ông T1 còn nợ ông T số tiền 90.000.000 đồng. Trong đó tiền vay 25.000.000đ và tiền mua củ gừng còn thiếu là 65.000.000đ. Ông T yêu cầu ông T1 trả số tiền 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Riêng đối với ông Tới nợ tiền củ gừng ông T là 65.000.000 đồng, ông T không yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ án này, để các ông tự thỏa thuận với nhau. Nếu không thỏa thuận được thì ông T sẽ kiện ông Tới trong một vụ án dân sự khác.

Bà Lục Thị Ý, sinh năm 1986 (Vợ ông T1); địa chỉ ấp Thạnh Tây B, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Ông T không yêu cầu bà Ý cùng với ông T1 trả nợ cho ông T số tiền 90.000.000 đồng, ông chỉ yêu cầu ông T trả nợ cho ông số tiền 90.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Thanh T1 được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên hòa giải ngày 03/9/2024 của Tổ hòa giải ấp Minh D ông T1 thừa nhận còn nợ ông T số tiền 90.000.000 đồng. Ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng và ông cam kết mỗi tháng trả ông T là 1.000.000 đồng. Bắt đầu trả nợ vào ngày 30/10/2024 nhưng không thực hiện.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn ông T1 trả số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Trong đó, nợ vay số tiền 25.000.000đ và nợ ông T1 mua củ gừng còn thiếu là 65.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự

là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản. Đương sự có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng nên căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông T với bị đơn ông T1 là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản. Cụ thể, ông T yêu cầu ông T1 trả tiền mua củ gừng còn thiếu là 65.000.000 đồng và tiền vay là 25.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T1 được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T khởi kiện bị đơn ông T1 trả tiền vay và tiền mua củ gừng còn thiếu là 90.000.000 đồng, mà không yêu cầu bà Lục Thị Ý vợ ông T1 cùng với ông T1 trả nợ cho ông T, HĐXX nhận định: Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận, không xem xét nghĩa vụ của bà Lục Thị Ý trong vụ án này.

Theo giấy nhận nợ của ông T1 ngày 20/07/2021 ông T1 có vay ông T hai lần, tổng số tiền 25.000.000 đồng; tờ giao kèo ngày 15/10/2021 tên Trần Thanh Tới, Trần Thanh T1 có mua củ gừng của ông T, với số tiền 230.000.000 đồng, ông Tới, ông T1 có trả cho ông T được số tiền 100.000.000 đồng; còn lại số tiền 130.000.000 đồng ông Tới, ông T1 mỗi người trả cho ông T số tiền 65.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 03/9/2024 của Tổ hòa giải ấp Minh D, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ông T1 thừa nhận còn nợ ông T tiền vay 25.000.000đ và nợ tiền mua củ gừng là 65.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng. Ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng và ông cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông T số tiền 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ vào ngày 30/10/2024 việc này được phía nguyên đơn ông T đồng ý, sau đó ông T1 không thực hiện như đã cam kết. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến xét xử, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa án để đối chất với ông T về số nợ 90.000.000 đồng nhưng ông T1 không đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 cũng không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì đối với khởi

kiện của phía nguyên đơn. Mặc khác, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cáp tài liệu, chứng cứ số 06/2025/QĐ-CCTLCC ngày 03/4/2025 về việc yêu cầu bị đơn ông T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ và triệu tập ông T1 đối chất với ông T về số nợ 90.000.000 đồng nhưng ông T1 không đến Tòa án, thì đồng nghĩa ông T1 thừa nhận có nợ ông T, với số tiền 90.000.000 đồng. HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xem xem xét, giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Từ những cơ sở trên thấy rằng ông T1 là bên đi vay và người trực tiếp mua củ gừng của ông T nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 440, Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông T1 trả cho ông T tiền vay là 25.000.000đ và tiền mua củ gừng còn thiếu là 65.000.000đ, tổng cộng 90.000.000đ.

Về lãi suất: Nguyên đơn ông T không yêu cầu xem xét tiền lãi suất, nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của phía nguyên đơn ông T được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 90.000.000đ x 5% = 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Trung không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Trần Thanh T1 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Thanh T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả số tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000861 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng